

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08/8/2019

Về việc: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác, ông Nguyễn Tiên Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắc Nông. (Chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Cao Văn T, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắc Nông. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI D VỤ ÁN:

- Theo nội D đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Cao Văn T khi lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Đắc Nông vào ngày 09/11/2009, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống, chị và anh T có với nhau 01 con chung, cháu tên Cao Thảo Thùy D, sinh ngày 10/02/2011. Hiện nay cháu D đang sống chung với chị.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị và anh T không có tiếng nói chung, hay xảy ra cãi nhau, hai bên chỉ biết sống cho bản thân không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hôn nhân không đạt được mục đích nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Văn T.

Về tài sản chung và công nợ: Không có, chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Cao Thảo Thùy D, sinh ngày 10/02/2011 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Cao Văn T phải cấp dưỡng nuôi cháu Cao Thảo Thùy D.

- *Đối với bị đơn anh Cao Văn T:* trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với anh Cao Văn T nhưng anh T vẫn không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Hiện tại anh Cao Văn T có mặt tại địa phương nhưng anh T cố tình vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan (vắng mặt không có lý do chính đáng) trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Cao Văn T.

- *Theo lời khai của cháu Cao Thảo Thùy D trong quá trình giải quyết vụ án:* Trong trường hợp chị Nguyễn Thị L, anh Cao Văn T ly hôn với nhau thì nguyện vọng của cháu là được ở với chị Nguyễn Thị L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đối với nguyên đơn đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Cao Văn T; Về con chung: Giao cháu Cao Thảo Thùy D, sinh ngày 10/02/2011 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi trưởng thành. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn anh Cao Văn T có địa chỉ tại thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Cao Văn T, sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của anh T đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Cao Văn T là phù hợp.

Ngày 17/7/2019 chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Cao Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân giữa hai người không còn khả năng đoàn tụ. Trong quá trình lấy lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị L cũng thừa nhận, chị và anh T không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích.

Xét thấy chị L và anh T đã sống ly thân với nhau từ lâu, điều đó thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Cao Văn T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L có nguyện vọng được nuôi con điều này thể hiện trách nhiệm của người làm mẹ đối với con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của các con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Hiện nay cháu Cao Thảo Thùy D, sinh ngày 10/02/2011 đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu D cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, chị L có công việc, thu nhập ổn định nên đủ điều kiện chăm sóc con chung. Từ những nhận định trên, HĐXX nghĩ, cần giao cháu Cao Thảo Thùy D, sinh ngày 10/02/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Trong thời gian chung sống, anh, chị không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn tài sản gì nên không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Cao Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Cao Thảo Thùy D, sinh ngày 10/02/2011 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Cao Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn, chị L không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Cao Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003439 ngày 20/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKS ND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện M;
- UBND xã Đ, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh